

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

(Mẫu 01: Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn)

Họ và tên: TRẦN KHÁNH TOÀN
Đối tượng: Giảng viên

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Bảo đảm an toàn hàng hải

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ quan công tác: Bộ môn An toàn đường thủy, Khoa Công trình,

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Điện thoại di động: 0915.66.96.86; Email: toantk.ctt@vimaru.edu.vn

Đăng ký xét tại Hội đồng giáo sư cơ sở: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Đăng ký xét tại Hội đồng giáo sư ngành: Giao thông vận tải

Năm 2019

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Giao thông vận tải**; Chuyên ngành: **Bảo đảm an toàn hàng hải**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN KHÁNH TOÀN**
2. Ngày tháng năm sinh: 24/11/1979; Nam ☒; Nữ ☐;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: (không)
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):
Số nhà 3/18 đường Thiên Lôi, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):
Số nhà 503 đường Thiên Lôi, ph. Vĩnh Niệm, q. Lê Chân, TP. Hải Phòng
Điện thoại nhà riêng: (không có);
Điện thoại di động: 0915.66.96.86; E-mail: toantk.ctt@vimaru.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ năm 2003 đến nay: Giảng viên Bộ môn An toàn đường thủy, khoa Công trình, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
Trong đó:
- Từ năm 2003 đến năm 2008: Giảng viên Bộ môn An toàn đường thủy, khoa Công trình, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
- Từ năm 2008 đến năm 2012: Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp theo học bổng Chính phủ Việt Nam (Đề án 322).
- Năm 2012: Tốt nghiệp tiến sĩ, về nước và tiếp tục công tác tại Bộ môn An toàn đường thủy, khoa Công trình, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam..
- Từ năm 2013 đến năm 2015:
+ Phó trưởng Bộ môn An toàn đường thủy, khoa Công trình, Trường Đại học hàng hải Việt Nam.
+ Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu và phát triển, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam
- Từ năm 2015 đến nay: Phó trưởng khoa Công trình, Trường Đại học hàng hải Việt Nam.
Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa
Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa
Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn An toàn đường thủy, Khoa Công trình, Trường Đại học hàng hải Việt Nam.
Địa chỉ cơ quan: Số 484 đường Lạch Tray, q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: 0225.3829.109;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): (không)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm: (đang công tác)

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 03 năm 2002, ngành: Giao thông vận tải, chuyên ngành: Bảo đảm an toàn đường thủy.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Hàng hải Việt Nam, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 03 năm 2007, ngành: Giao thông vận tải, chuyên ngành: Bảo đảm an toàn hàng hải. Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Hàng hải Việt Nam, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 09 năm 2013, ngành: Cơ học cao cấp (Mã ngành: MA), chuyên ngành: Cơ học ứng dụng (trong kỹ thuật hàng hải và đường thủy); Mã số bằng: UNTECOM 7363408, No. D2019. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ Compiègne (UTC), Thành phố Compiègne, Cộng hòa Pháp.

+ Giấy chứng nhận học vị tiến sĩ của Trường UTC: Ngày bảo vệ luận án TS 19/09/2012, ngày ký Giấy chứng nhận 26/09/2012.

+ Đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ và được vào sổ đăng ký số 007721/CNVB-TS ngày 13/12/2018.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Giao thông vận tải.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Kỹ thuật an toàn hàng hải trong vùng nước hạn chế:

Xác định đối tượng nghiên cứu chủ yếu là đặc tính chuyển động của tàu và tương tác thủy động lực học của tàu trong vùng nước hạn chế. Tương tác thủy động lực học của tàu bao gồm các tương tác giữa tàu với các phương tiện thủy khác, với các công trình trên bờ (cầu vượt ngang sông, cáp điện,...), với các công trình dưới nước (cầu cảng, âu tàu, đê chắn sóng, công trình ngầm,...), từ đó đặt ra yêu cầu cần thiết phải nghiên cứu bản chất và nguyên nhân của các hiện tượng đâm va hoặc tiềm ẩn nguy cơ đâm va gây mất an toàn hàng hải. Ngoài ra, còn có các chuyên đề nghiên cứu về các hệ thống kỹ thuật và công nghệ (AIS, VTS, ENC, AtoN,...) bảo đảm an toàn cho các phương tiện thủy khi hoạt động trong các vùng nước hạn chế (luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa, các khu nước,...). Từ các cơ sở trên, ứng viên đã lựa chọn phạm vi nghiên cứu theo các chuyên đề cụ thể như sau:

- Nghiên cứu về mô phỏng hàng hải và tối ưu hóa.
- Nghiên cứu về các loại tương tác thủy động lực học của tàu trong các vùng nước hạn chế.
- Nghiên cứu về các hệ thống quản lý bảo đảm an toàn giao thông hàng hải (AIS, VTS,...).
- Nghiên cứu về kỹ thuật định vị động lực (DP) phục vụ bảo đảm an toàn hàng hải và xây dựng công trình biển.

(2) Kỹ thuật công trình bảo đảm an toàn hàng hải:

Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã lựa chọn phạm vi nghiên cứu theo các chuyên đề cụ thể như sau:

- Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp và công nghệ phần mềm trong thiết kế công trình luồng tàu và khu nước của cảng: Công nghệ GIS để tự động hóa qui trình thiết kế, phương pháp mô phỏng, phương pháp xác suất.
- Nghiên cứu về kỹ thuật và công nghệ thi công nạo vét công trình luồng tàu và khu nước của cảng.
- Nghiên cứu về kỹ thuật và công nghệ trong thiết kế, bố trí và xây dựng hệ thống công trình báo hiệu bảo đảm an toàn hàng hải và đường thủy (hải đăng, đăng tiêu, chấp tiêu, phao báo hiệu, báo hiệu ảo, báo hiệu AIS, công nghệ giám sát và điều khiển từ xa,...).
- Nghiên cứu về phương pháp và công nghệ đo đạc thành lập các loại bản đồ địa hình dưới nước và trên bờ phục vụ cho qui hoạch, thiết kế và thi công công trình thủy, ra thông báo hàng hải và thông báo đường thủy.

- Nghiên cứu ứng dụng hệ thống tin địa lý GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu các tuyến luồng hàng hải và đường thủy nội địa phục vụ công tác quản lý cơ sở hạ tầng giao thông hàng hải và đường thủy nội địa.
- Nghiên cứu ứng dụng kết cấu mới và công nghệ vật liệu mới cho các loại công trình bến nổi nhằm nâng cao an toàn cho người và phương tiện trên các tuyến luồng đường thủy nội địa.
- Nghiên cứu về kỹ thuật, công nghệ, thuật toán ứng dụng trong quản lý, khai thác công trình cảng và đường thủy.

** Trong 2 hướng nghiên cứu trên, hướng nghiên cứu về kỹ thuật an toàn hàng hải trong vùng nước hạn chế, trong đó tập trung vào các nghiên cứu về mô phỏng chuyển động tàu, tương tác thủy động lực học tàu và tối ưu hóa mô phỏng chuyển động tàu, là hướng nghiên cứu chuyên sâu nhất của ứng viên.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đào tạo: Đang hướng dẫn **02** NCS tiến sĩ; Đã hướng dẫn **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (04 HVCH đã được cấp bằng, 02 HVCH đang chờ cấp bằng);
- Nghiên cứu khoa học: Đã hoàn thành **04** đề tài NCKH cấp Bộ (chủ nhiệm 01 đề tài, tham gia 03 đề tài), **10** đề tài NCKH cấp trường (chủ nhiệm 06 đề tài, tham gia 04 đề tài); Đã công bố **31** bài báo KH (trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, các báo cáo khoa học đăng kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế), trong đó có **07** bài báo KH trên các tạp chí quốc tế có uy tín (**01** bài thuộc danh mục SCI, **02** bài thuộc danh mục SCIE, **04** bài thuộc danh mục Scopus);
- Số lượng sách đã xuất bản: **04** sách (01 sách chuyên khảo, 03 giáo trình), trong đó có 01 sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Xây dựng);
- Đã hướng dẫn 01 sinh viên đạt Giải Nhất NCKH sinh viên toàn quốc, Giải Nhất Quĩ sáng tạo trẻ Việt Nam VIFOTEC, Giải Nhất NCKH sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2006.

Liệt kê không quá 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất (giai đoạn sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ, sau ngày 19/09/2012):

- (1) Tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục SCIE (Hệ số ảnh hưởng IF thuộc nhóm Q1, chỉ số trích dẫn Citation 8, công bố tháng 10/2013):
Tran Khanh Toan, Ouahsine A., Naceur H. and El Wasifi K, *Assessment of ship manoeuvrability by using a coupling between a nonlinear transient manoeuvring model and mathematical programming techniques*, ELSEVIER/ScienceDirect/Journal of Hydrodynamics/DOI: 10.1016/S1001-6058(13)60426-6, pp.788-804, Otc.2013.
ISSN: 1001-6058.
- (2) Tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục Scopus (Hệ số ảnh hưởng IF thuộc nhóm Q4, công bố tháng 12/2018):
Tran Khanh Toan, *A Study on Ship Manoeuvring Simulation and Ship Trajectory Optimization Based on SQP and BFGS Algorithms from Sea Trials*, Science Publishing Corporation (SPC) - International Journal of Engineering & Technology, [S.l.], v. 7, n. 4.36, pp. 103-111, Dec. 2018.
ISSN 2227-524X.
- (3) Tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục Scopus (Hệ số ảnh hưởng IF thuộc nhóm Q4, công bố tháng 12/2018):
Tran Khanh Toan, *A Study on the Application of Sensitivity Analysis for Ship Hydrodynamic Coefficients*, Science Publishing Corporation (SPC) - International Journal of Engineering & Technology, [S.l.], v. 7, n. 4.36, pp. 953-956, Dec. 2018.
ISSN 2227-524X.
- (4) Chủ biên sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín (tháng 05/2019):
TS. Trần Khánh Toàn, *“Ứng dụng kỹ thuật tối ưu hóa trong mô phỏng hàng hải”*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2019.
ISBN 978-604-82-2786-9.
- (5) Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Bộ GTVT (năm 2017):
“Nghiên cứu ứng dụng các thuật toán tối ưu hóa để nâng cao độ chính xác dự đoán quỹ đạo tàu của các hệ thống mô phỏng hàng hải”.
Mã số đề tài: DT154021. Xếp loại Khá. Thời gian thực hiện: 2015-2017.

(Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; hệ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- (1) Năm 2006: Được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng thưởng Bằng khen vì đã có thành tích hướng dẫn sinh viên thực hiện công trình đạt Giải Nhất giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” toàn quốc năm 2006.
- (2) Năm 2015: Được Bộ trưởng Bộ GTVT tặng thưởng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, góp phần vào sự phát triển của đơn vị.
- (3) Năm 2018: Được Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tặng thưởng Giấy khen vì đã có thành tích đạt Giải Khuyến khích Giải thưởng NCKH Neptune năm 2018.
- (4) Giấy khen, Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): (không có)

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo Luật Giáo dục Đại học Việt Nam.
- Công tác đào tạo: Luôn hoàn thành đầy đủ và vượt mức khối lượng giảng dạy theo nhiệm vụ năm học (các hệ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ); Tích cực và có nhiều đóng góp trong việc đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Kỹ thuật an toàn hàng hải, hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Bảo đảm an toàn hàng hải; Đã hướng dẫn tốt nghiệp thành công nhiều kỹ sư, 06 thạc sĩ (04 học viên đã được cấp bằng, 02 học viên đang chờ cấp bằng), đang hướng dẫn 02 NCS tiến sĩ.
- Công tác NCKH: Luôn chủ động tìm tòi, sáng tạo và kết nối chặt chẽ với các doanh nghiệp đề xuất và thực hiện các đề tài NCKH cấp trường, cấp Bộ và các nghiên cứu hợp tác với doanh nghiệp. Tích cực nghiên cứu và duy trì việc công bố thường xuyên các bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế. Chủ động tham gia các hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia, thể hiện ở các báo cáo khoa học được đăng trong các kỷ yếu hội thảo.
- Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của người giảng viên: Chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong giảng dạy; Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến; Tích cực biên soạn các tài liệu giảng dạy, giáo trình và sách chuyên khảo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số năm: 16 năm thâm niên tham gia đào tạo (2003-2019).

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ. Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

Trong 06 năm giảng dạy gần nhất (2013-2019), tổng số giờ giảng dạy sau khi qui đổi (khối lượng giảng dạy nhóm A) luôn vượt định mức được giao, cụ thể như sau:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng dạy/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	-	-	25 (1 HV)	120 (8 SV)	165 (11 TC)	-	165/310 (Định mức giờ qui đổi PTBM: 204)
2	2014-2015	-	-	75 (3 HV)	155 (5 SV)	105 (7 TC)	30 (2TC-TS)	135/365 (Định mức giờ qui đổi PTBM: 204)
3	2015-2016	-	1 NCS	-	135 (9 SV)	210 (14 TC)	30 (2TC-TS)	240/375 (Định mức giờ qui đổi PCNK: 180)
3 năm học cuối (2016-2019)								
4	2016-2017	-	2 NCS	-	210 (14 SV)	180 (12 TC)	-	180/390 (Định mức giờ qui đổi PCNK: 180)
5	2017-2018	-	2 NCS	-	60 (4 SV)	225 (15 TC)	60 (4TC-ThS)	285/345 (Định mức giờ qui đổi PCNK: 180)
6	2018-2019	-	2 NCS	50 (2 HV)	100 (12 SV)	285 (19 TC)	90 (6TC-ThS)	375/505 (Định mức giờ qui đổi PCNK: 180)

Ghi chú:

- PTBM: Phó trưởng bộ môn; PCNK: Phó chủ nhiệm khoa.

- Tổng số giờ giảng dạy là tổng số giờ thực tế giảng dạy trên lớp (không tính qui đổi).

- Tổng số giờ qui đổi chỉ tính cho hệ đại học và cao học (chưa tính giờ chấm thi qui đổi).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp, ngày bảo vệ 19 tháng 09 năm 2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐: (không)

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐: (không)

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ C

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hoàng Xuân Danh		X	X		2013-2014	ĐHHHVN	Số bằng A080526, ngày 16/05/2014
2	Nguyễn Tiến Thành		X	X		2014	ĐHHHVN	Số bằng A096412,

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
								ngày 19/12/2014
3	Nguyễn Hải Hòa		X	X		2014	ĐHHHVN	Số bằng A096401, ngày 19/12/2014
4	Đồng Duy Mạnh		X	X		2014	ĐHHHVN	Số bằng A96397, ngày 19/12/2014
5	Nguyễn Quang Huy		X	X		2018-2019	ĐHHHVN	Đã bảo vệ LV, chờ cấp bằng
6	Bùi Việt Linh		X	X		2018-2019	ĐHHHVN	Đã bảo vệ LV, chờ cấp bằng

(Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

a) Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ (trước ngày 19/09/2012): (không có)

b) Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ (sau ngày 19/09/2012):

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Trắc địa bản đồ biển (ISBN 978-604-937-098-4)	Giáo trình	Nhà xuất bản Hàng hải, năm 2016	4	Chủ biên (trang: 7-208)	Văn bản xác nhận ngày 10/08/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHHHVN
2	Quản lý khai thác cảng và đường thủy (ISBN 978-604-937-099-1)	Giáo trình	Nhà xuất bản Hàng hải, năm 2016	4	Tham gia (trang: 18-70; 77-85; 133-243)	Văn bản xác nhận ngày 10/08/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHHHVN
3	Ứng dụng kỹ thuật tối ưu hóa trong mô phỏng hàng hải (ISBN 978-604-82-2786-9)	Chuyên khảo	Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2019	1	Một mình	Văn bản xác nhận ngày 15/05/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHHVN
4	Luồng tàu và khu nước của cảng (ISBN 978-604-937-197-4)	Giáo trình	Nhà xuất bản Hàng hải, năm 2019	1	Một mình	Văn bản xác nhận ngày 31/05/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHHVN

(Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):
Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329)).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
A	Đề tài NCKH cấp Bộ: 04 đề tài				
01	Nghiên cứu ứng dụng các thuật toán tối ưu hóa để nâng cao độ chính xác dự đoán quỹ đạo tàu của các hệ thống mô phỏng hàng hải	Chủ nhiệm	Mã số: DT154021 Cấp: Bộ GTVT Chủ trì: Trường ĐHHHV	2015-2017	24/11/2017
02	Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí phục vụ công tác khảo sát, ra thông báo hàng hải các tuyến luồng khu vực phía Bắc	Tham gia	Mã số: DT154005 Cấp: Bộ GTVT Chủ trì: Cục Hàng hải Việt Nam	2015-2016	10/12/2016
03	Nghiên cứu mô phỏng tương tác thủy động lực giữa tàu với tàu trong các tình huống tránh vượt trong luồng hẹp	Tham gia	Mã số: DT164017 Cấp: Bộ GTVT Chủ trì: Cảng vụ hàng hải Hải Phòng	2016-2017	31/1/2018
04	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật giao thông vận tải thủy nội địa	Tham gia	Cấp: Bộ GTVT Chủ trì: Cục đường sông Việt Nam	2005-2006	08/06/2006
B	Đề tài NCKH cấp trường: 10 đề tài				
05	Ứng dụng công nghệ GPS trong đo đạc định vị công trình biển	Tham gia	NCKH cấp trường Chủ trì: Trường ĐHHHVN	2003-2004	12/06/2004
06	Cải thiện kết quả tính toán cạnh đo Baseline trong lưới trắc địa GPS	Chủ nhiệm	NCKH cấp trường Chủ trì: Trường ĐHHHVN	2005-2006	2006
07	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ	Chủ	NCKH cấp	2013-2014	11/06/2014

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
	định vị động lực DP (Dynamic Positioning) trong xây dựng công trình biển phù hợp với điều kiện Việt Nam	nhiệm	trường		
08	Xây dựng chương trình tính chuyển tọa độ hải đồ sử dụng trong ngành hàng hải	Tham gia	Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2014-2015	11/06/2014
09	Nghiên cứu, mô phỏng tương tác thủy động lực giữa tàu với bờ và đáy luồng hàng hải	Chủ nhiệm	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2014-2015	22/06/2015
10	Nghiên cứu xây dựng TCVN thiết kế nạo vét công trình bảo đảm an toàn hàng hải	Tham gia	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2014-2015	22/06/2015
11	Một số vấn đề về kỹ thuật và công nghệ khi triển khai ứng dụng hệ thống thiết bị nhận dạng tự động (AIS) cho báo hiệu hàng hải trong điều kiện Việt Nam	Chủ nhiệm	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2015-2016	03/06/2016
12	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ báo hiệu hàng hải ảo trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải ở Việt Nam	Tham gia	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2016-2017	2017
13	Đề xuất quy trình công nghệ sản xuất đèn báo hiệu sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ bảo đảm an toàn đường thủy nội địa	Chủ nhiệm	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2017-2018	30/05/2018
14	Nghiên cứu ứng dụng thí điểm vật liệu mới PPC trong xây dựng bến nổi phục vụ quan trắc thủy chí và neo đậu thuyền đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.	Chủ nhiệm	NCKH cấp trường Chủ trì: Trưởng ĐHHHVN	2018-2019	31/05/2019

(Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký).

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

a) Giai đoạn trước khi bảo vệ tiến sĩ (trước ngày 19/09/2012):

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
A1. Bài báo quốc tế (Danh mục Scopus): 01 bài									
01	<u>Tác giả chính:</u> <i>Coefficients Identification for Ship Manoeuvring Simulation based on Optimization Techniques.</i> Tran K.T., Ouahsine A., Naceur H., Hissel F. and Pourplanche A. International Conference on Computational Methods in Marine Engineering IV - MARINE 2011, 28-30 September 2011, Lisbon, Portugal, pp.369-380. International Center for Numerical Methods in Engineering (CIMNE) ISBN: 978-84-89925-79-3	5	International Conference on Computational Methods in Marine Engineering IV -MARINE 2011, 28-30 September 2011, Lisbon, Portugal (Danh mục Scopus)	ISBN: 978-84-89925-79-3	1	-	-	369-380	2011
B1. Bài báo trong nước: 02 bài									
02	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Nâng cao độ chính xác định vị vệ tinh vi phân tức thời RTK-DGPS bằng công nghệ trạm tham khảo ảo VRS.</i> Trần Khánh Toàn. Tạp chí Biển Việt Nam – Hội khoa học kỹ thuật biển Việt Nam, số 11, tháng 11/2005. ISSN 1859-0233	1	Tạp chí Biển Việt Nam – Hội khoa học kỹ thuật biển Việt Nam ISSN 1859-0233	-	-	-	11	17-19	2006
03	<u>Tác giả chính:</u> <i>Một số phương pháp tính chuyển tọa độ trong khảo sát thủy đạc hiện đang áp dụng ở Việt Nam.</i> Trần Khánh Toàn. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải, số 19, tháng 8/2009. ISSN 1859-316X	1	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	19	70-76	2009
C1. Báo cáo và đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế (danh mục Scopus): 02 bài									
04	<u>Tác giả chính:</u> <i>A fast simulation and identification of hydrodynamic parameters for a freely maneuvering ship vessels.</i> Tran K.T., Ouahsine A., Naceur H., Hissel F. and Pourplanche A. International Conference on	5	MULTIPHYSICS 2009	ISSN (Online): 2409-1669 ISSN (Print): 2409-7527	-	-	-	71	2009

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
	Multiphysics -MULTIPHYSICS 2009, 09-11 December 2009, Lille, France, pp.71. ISSN (Online): 2409-1669 ISSN (Print): 2409-7527								
05	<u>Tác giả chính:</u> <i>Coefficient Identification for Ship Manoeuvring Simulation Model based on Optimization Techniques,</i> Tran K.T., Ouahsine A., Naceur H., Hissel F. and Pourplanche A., International Conference on Computational Methods for Coupled Problems in Science and Engineering IV -COUPLED PROBLEMS 2011, 20-22 June 2011, Kos, Greece, pp.1261-1272. International Center for Numerical Methods in Engineering (CIMNE) ISBN: 978-84-89925-78-6	5	International Conference on Computational Methods for Coupled Problems in Science and Engineering IV -COUPLED PROBLEMS 2011, 20-22 June 2011, Kos, Greece. (Danh mục Scopus)	ISBN: 978-84-89925-78-6	-	-	-	1261-1272	2011
D1. Báo cáo và kỷ yếu hội thảo quốc gia: 01 bài									
06	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Ứng dụng hệ thống định vị động tức thời vi phân (RTK-DGPS) sử dụng trạm tham khảo ảo trong đường thủy nội địa.</i> Vũ Mạnh Hùng, Trần Khánh Toàn. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: An toàn giao thông và phát triển vận tải thủy nội địa, tổ chức tháng 11/2004 tại Hà Nội, đồng tổ chức bởi Cục Đường sông Việt Nam và Hội vận tải thủy nội địa Việt Nam. Trang 143-155	2	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: An toàn giao thông và phát triển vận tải thủy nội địa, tổ chức tháng 11/2004 tại Hà Nội	-	-	-	-	143-155	2004

b) Giai đoạn sau khi bảo vệ tiến sĩ (sau ngày 19/09/2012):

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
A2. Bài báo quốc tế (Danh mục SCI, SCIE, Scopus): 05 bài									
07	Tác giả chính: <i>Assessment of ship manoeuvrability by using a coupling between a nonlinear transient manoeuvring model and mathematical programming techniques.</i> Tran Khanh Toan, Ouahsine A., Naceur H. and El Wasifi K. ELSEVIER/ScienceDirect/Journal of Hydrodynamics/DOI: 10.1016/S1001-6058(13)60426-6, pp.788-804, Oct.2013. ISSN: 1001-6058	4	ELSEVIER/ScienceDirect/Journal of Hydrodynamics ISSN: 1001-6058	Danh mục SCIE (ISI) IF=1.563 (Q1) H _{index} =33	8	25	5	788-804	10/2013
08	Tham gia: <i>Simulation of ship manoeuvring in confined waterway using a nonlinear model based on optimization techniques.</i> P.Du, A.Ouahsine, K.T.Toan, P.Sergent. ELSEVIER – OCEAN ENGINEERING 142(2017) 194-203, Sep.2017. ISSN: 0029-8018	4	ELSEVIER – OCEAN ENGINEERING ISSN: 0029-8018	Danh mục SCI (ISI) IF=2.214 (Q1) H _{index} =80 (IF ≥ 2, vượt trội)	6	142	-	194-203	09/2017
09	Tham gia: <i>Simulation of the overtaking maneuver between two ships using the non-linear manoeuvring model.</i> P.Du, A.Ouahsine, K.T.Toan, P. Sergent. SPRINGER – JOURNAL OF HYDRODYNAMIC (JHD), pp.791-802, Vol.30, Issue 5, Oct.2018. ISSN: 1001-6058 (Print) 1878-0342 (Online).	4	ELSEVIER/ScienceDirect/Journal of Hydrodynamics ISSN: 1001-6058 (Print), 1878-0342 (Online).	Danh mục SCIE (ISI) IF=1.563 (Q1) H _{index} =33	1	30	5	791-802	10/2018
10	Tác giả chính: <i>A Study on Ship Manoeuvring Simulation and Ship Trajectory Optimization Based on SQP and BFGS Algorithms from Sea Trials.</i> Tran Khanh Toan, Science Publishing Corporation (SPC) - International Journal of Engineering & Technology, [S.l.], v. 7, n. 4.36, pp. 103-	1	International Journal of Engineering & Technology ISSN 2227-524X	Danh mục Scopus IF (Q4) H _{index} =18	-	7	4.36	103-111	12/2018

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
	111, Dec. 2018, ISSN 2227-524X.								
11	Tác giả chính: <i>A Study on the Application of Sensitivity Analysis for Ship Hydrodynamic Coefficients.</i> Tran Khanh Toan, Science Publishing Corporation (SPC) - International Journal of Engineering & Technology, [S.l.], v. 7, n. 4.36, pp. 953-956, Dec. 2018, ISSN 2227-524X.	1	International Journal of Engineering & Technology ISSN 2227-524X	Danh mục Scopus IF (Q4) H_{index} = 18	-	7	4.36	953-956	12/2018
B2. Bài báo trong nước: 14 bài									
12	Tác giả chính: <i>Mô hình mô phỏng điều động tàu biển NAVMER.</i> Trần Khánh Toàn. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), Số 34 - tháng 04/2013.	1	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	34	42-46	2013
13	Đồng tác giả: <i>Lập trình mô phỏng điều động tàu biển cho phép thử turning circle và zig-zag theo tiêu chuẩn IMO.</i> Trần Khánh Toàn, Hoàng Xuân Danh. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 37 tháng 02/2014.	2	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	37	46-50	2014
14	Tác giả chính: <i>Mô phỏng và phân tích tương tác thủy động lực giữa tàu với bờ và đáy luồng hàng hải (phần 1: Mô hình toán).</i> Trần Khánh Toàn. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 39 tháng 08/2014.	1	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	39	63-67	2014
15	Tác giả chính: <i>Mô phỏng tương tác thủy động lực giữa tàu với bờ và đáy luồng nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.</i> Trần Khánh Toàn, Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), Số đặc biệt, trang 174-176, tháng 11/2015.	1	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	Số đặc biệt	174-176	2015

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
16	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu ven biển khu vực Quảng Ninh – Hải Phòng phục vụ quản lý giao thông đường thủy nội địa.</i> Phạm Minh Châu, Trần Khánh Toàn. Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), Số đặc biệt, trang 180-182, tháng 11/2015	2	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	Số đặc biệt	180-182	2015
17	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Ứng dụng GIS thiết kế và quản lý luồng đường thủy nội địa</i>". Trần Đức Phú., Trần Khánh Toàn. Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), Số đặc biệt, trang 186-188, tháng 12/2016.	2	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	Số đặc biệt	186-188	2016
18	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Nghiên cứu va chạm giữa tàu và cầu phao vượt biển phục vụ bảo đảm an toàn hàng hải</i>". Lê Quốc Tiến, Trần Đức Phú, Trần Khánh Toàn. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 47, tháng 8/2016.	3	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	47	41-45	2016
19	<u>Tác giả chính:</u> <i>Nghiên cứu tương tác giữa tàu với tàu phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải trong luồng hẹp.</i> Trần Khánh Toàn. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 49, tháng 01/2017.	1	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	49	47-51	2017
20	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Floating system for vessel impact protection considering fluid-structure interaction</i>". Duc Phu Tran, Khanh Toan Tran, Gye Hee Lee. Journal of Marine Science and Technology (ISSN 1859-316x), pp. 36-42, 01/2018.	3	Journal of Marine Science and Technology (Tạp chí Khoa học – Công nghệ hàng hải, số tiếng Anh) ISSN 1859-316X	-	-	-	49	36-42	2017
21	<u>Tác giả chính:</u> <i>Lập trình mô phỏng cảnh báo đâm va tàu đắm bảo an toàn hàng hải trong vùng nước hạn chế.</i>	1	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	11/2018	111-113	2018

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
	Trần Khánh Toàn, Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), số 11/2018, trang 111-113, tháng 11 năm 2018.								
22	Tác giả chính: <i>Ứng dụng công nghệ bền nổi để nâng cao an toàn cho người và phương tiện thủy.</i> Trần Khánh Toàn, Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), số 12/2018, trang 193-196, tháng 12 năm 2018.	1	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	12/2018	193-196	2018
23	Tác giả chính: <i>Lập trình phân tích độ nhạy trong tối ưu hóa mô phỏng quỹ đạo tàu.</i> Trần Khánh Toàn, Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN 2354-0818), số 1+2/2019, trang 69-72, tháng 2 năm 2019.	1	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (có ấn bản online)	-	-	-	1+2/2019	69-72	2019
24	Tác giả chính: <i>Ứng dụng thuật toán lập trình bậc hai tuần tự trong tối ưu hóa mô phỏng chuyển động tàu.</i> Trần Khánh Toàn, Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 57, tháng 1/2019.	1	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	57	45-50	2019
25	Đồng tác giả: <i>Phương pháp mới trong đo địa hình đáy biển”.</i> Nguyễn Văn Sáng, Trần Khánh Toàn, Nguyễn Thị Hồng. Tạp chí Khoa học công nghệ hàng hải (ISSN 1859-316X), số 57, tháng 1/2019.	3	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X	-	-	-	57	45-50	2019
C2. Báo cáo và đăng ký yếu hội thảo quốc tế: 02 bài									
26	Tác giả chính: <i>Inland waterway transport in Viet Nam's Industrialization and Modernization Cause,</i> Tran Khanh Toan, Truong Trong Doanh.. International Conference on Main Sustainable Hydraulic Development GA2012, 14-16 November 2012, Paris, France. Société Hydrotechnique de	2	International Conference on Main Sustainable Hydraulic Development GA2012 Catalogue General. ISBN 978-2-9068-3192-6	-	-	-	-	Ấn bản online	12/2012

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
	France. Catalogue General, ISBN 978-2-9068-3192-6								
27	Tác giả chính: <i>Identification of hydrodynamic coefficients from sea trials for ship maneuvering simulation.</i> K.Toan Tran, Abdellatif Ouahsine, Francois Hissel, Philippe Sergent. TRA 5th Conference: Transport Solutions from Research to Deployment, Paris, France 2014. IFSTTAR. Accession Number: 01540778.	4	TRA 5th Conference: Transport Solutions from Research to Deployment, Paris, France 2014 Accession Number: 01540778.	-	-	-	-	Ấn bản online	2014
D2. Báo cáo và kỷ yếu hội thảo quốc gia: 05 bài									
28	Tác giả chính: <i>Mô phỏng tương tác thủy động lực giữa tàu với bờ và đáy luồng nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.</i> Kỷ yếu: Hội nghị An toàn giao thông Việt Nam năm 2015, Tiểu ban An toàn giao thông đường thủy nội địa, Tập III, trang 9-13. Tổ chức: Ủy ban An toàn giao thông quốc gia. Thời gian: 26-27/11/2015. Nhà xuất bản Giao thông vận tải. ISBN 978-604-76-0766-2.	1	Kỷ yếu: Hội nghị An toàn giao thông Việt Nam năm 2015. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia Nhà xuất bản Giao thông vận tải. ISBN 978-604-76-0766-2	-	-	III	-	09-13	2015
29	Đồng tác giả: <i>Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu ven biển khu vực Quảng Ninh – Hải Phòng phục vụ quản lý giao thông đường thủy nội địa.</i> TS. Trần Khánh Toàn, ThS. Phạm Minh Châu, ThS. Lê Sỹ Xinh. Kỷ yếu Hội nghị an toàn giao thông Việt Nam năm 2015, Tiểu ban An toàn giao thông đường thủy nội địa Tập III, trang 20-26. Tổ chức: Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, ngày 26/11/2015 - 27/11/2015. Nhà xuất bản Giao thông vận tải. ISBN 978-604-76-0766-2	3	Kỷ yếu Hội nghị an toàn giao thông Việt Nam năm 2015. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia Nhà xuất bản Giao thông vận tải. ISBN 978-604-76-0766-2	-	-	III	-	20-26	2015
30	Đồng tác giả:	2	Kỷ yếu Hội nghị	-	-	7	-	51-56	2016

Số TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập	Số	Trang	Năm công bố
	<i>Ứng dụng GIS thiết kế và quản lý luồng đường thủy nội địa.</i> TS. Trần Khánh Toàn, TS. Trần Đức Phú. Kỷ yếu Hội nghị An toàn giao thông Việt Nam năm 2016, Tiểu ban An toàn giao thông đường thủy nội địa. Trang 51-56, tập 7, An toàn giao thông đường thủy nội địa. Tổ chức: Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, tháng 12/2016. Nhà xuất bản giao thông vận tải.		An toàn giao thông Việt Nam năm 2016. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia Nhà xuất bản Giao thông vận tải. (Ấn bản online)						
31	<u>Đồng tác giả:</u> <i>Ứng dụng GIS thiết kế và quản lý luồng đường thủy nội địa .</i> TS. Trần Khánh Toàn, TS. Trần Đức Phú. Trang 222-227, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đảm bảo an toàn giao thông trên đường thủy nội địa. Đồng tổ chức: Ủy ban An toàn giao thông quốc gia và Học viện Cảnh sát nhân dân. Thời gian: Năm 2016.	2	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đảm bảo an toàn giao thông trên đường thủy nội địa. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Học viện Cảnh sát nhân dân	-	-	-	-	222-227	2016

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: (không có)

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: (không có)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

a) *Phát triển chương trình đào tạo:*

(1) Trường Đại học Hàng hải Việt Nam:

Tham gia đổi mới và xây dựng lại chương trình khung đào tạo các chuyên ngành và hệ đào tạo:

- Hệ thạc sĩ, chuyên ngành Bảo đảm an toàn hàng hải (Áp dụng từ khóa 2017-2019)
- Hệ đại học, chuyên ngành Kỹ thuật an toàn hàng hải (Áp dụng từ khóa 54)

(2) Học viện Cảnh sát nhân dân:

Tham gia hội đồng góp ý, phản biện và tư vấn biên soạn mới một số giáo trình chuyên ngành của Khoa Cảnh sát đường thủy (Học viện Cảnh sát nhân dân) ngay sau khi thành lập (Năm 2015).

b) *Chương trình nghiên cứu, ứng dụng KHCN của cơ sở GDĐH:*

Năm 2013 đã kết nối hợp tác, được giao chủ trì nhóm chuyên gia, giảng viên và sinh viên khoa Công trình (vai trò Điều phối viên dự án) thực hiện gói dự án hợp tác ứng dụng công nghệ bản đồ trực tuyến trên nền hệ thông tin địa lý GIS.

Tên gói dự án: *Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ mở OSM (Open Street Map) cho hệ thống giao thông đô thị thành phố Hải Phòng.*

Gói dự án này do Ngân hàng thế giới World Bank tài trợ, phối hợp với Sở Giao thông vận tải Hải Phòng và Khoa Công trình - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Sản phẩm ứng dụng công nghệ của gói dự án này vừa là nguồn dữ liệu tham khảo quan trọng trong lĩnh vực quản lý giao thông đô thị đối với thành phố, vừa mang tính phục vụ cộng đồng cao, thể hiện ở nguồn cơ sở dữ liệu mở và liên tục được cập nhật từ người sử dụng cũng như các thành viên trong cộng đồng OSM.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: (không có)

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2019
Người đăng ký



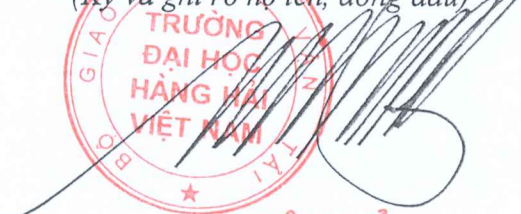
TS. Trần Khánh Toàn

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này (Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương